

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG**



# **BÁO CÁO LẬP TRÌNH WEB**

**ĐỀ TÀI  
XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ BÁN THUỐC**

**Mã sinh viên và họ tên:  
A24126 – Trần Mạnh Quỳnh  
A23998 – Lê Hoài Nam**

*Hà nội, năm 2016*

## **Lời Nói Đầu**

Hiện nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, Internet đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của chúng ta. Nó góp phần kết nối, xâu chuỗi thông tin ở các lĩnh vực trong xã hội lại với nhau: khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, y tế... Có thể nói Internet đang đóng góp một phần quan trọng trong công cuộc phát triển của nhân loại. Vậy Internet là gì? Internet hay liên mạng là một hệ thống thông tin toàn cầu có thể được truy cập công cộng gồm các mạng máy tính được liên kết với nhau.

Chắc hẳn ai cũng biết Web là môi trường giao tiếp chính của người sử dụng trên Internet và công nghệ World Wide Web hiện không còn xa lạ với chúng ta. Giờ đây việc quảng bá, giới thiệu hình ảnh, sản phẩm của một công ty hay một cá nhân, tập thể đã trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Tại đây, chúng ta có thể dễ dàng đưa thông tin, hình ảnh muốn quảng bá, giới thiệu đến với mọi người và người sử dụng có thể dễ dàng truy cập dữ liệu thông qua máy tính có kết nối mạng Internet.

Hiện có rất nhiều ngôn ngữ lập trình hỗ trợ chúng ta xây dựng một trang Web đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng, trong đó PHP là một ngôn ngữ phổ biến hiện nay. PHP dựa trên kịch bản trên phía trình chủ (server scrip) cho phép chúng ta xây dựng trang web dựa trên cơ sở dữ liệu.

Cũng với lí do trên nhóm đã chọn đề tài “Website quản lý bán thuốc” để làm đề tài cho môn Lập Trình Web của mình. Trong quá trình thực hiện, nhóm đã nhận được sự chỉ bảo và hướng dẫn tận tình của thầy Trần Tuấn Toàn. Nhờ sự giúp đỡ của thầy mà nhóm đã hoàn thành tốt đề tài đã chọn. Nhóm làm đề tài xin gửi lời cảm ơn chân thành đến thầy.

Do thời gian hạn hẹp và lần đầu tiên nhóm thực hiện một đề tài lớn nên không thể tránh được sự thiếu sót. Nhóm mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của thầy cũng như các bạn.

# GIỚI THIỆU NHỮNG TÍNH NĂNG MỚI CỦA PHP 7

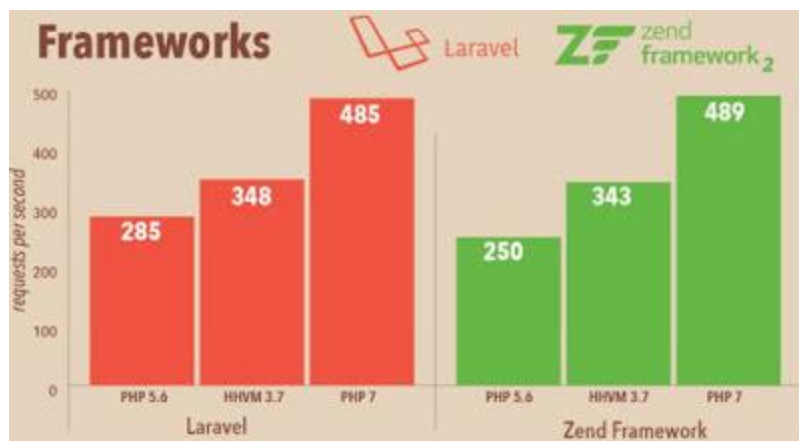
## 1. Core Zend Engine hoàn toàn mới.

Zend engine đã tạo ra sức mạnh cho PHP từ năm 1999 khi nó được giới thiệu với bản phát hành mới PHP 4. Zend – bạn đừng nhầm lẫn với Zend Framework – là một engine thực thi mã nguồn mở được viết bằng C để thông dịch ngôn ngữ PHP. Loạt PHP 5.X hiện tại sử dụng Zend Engine II tăng cường chức năng của engine ban đầu, bổ sung thêm một mô hình đối tượng mở rộng và nâng cao hiệu suất thực thi đáng kể cho ngôn ngữ này.

PHP 7 có một phiên bản engine hoàn toàn mới có tên gọi là PHP#NG (Next Generation).

## 2. Tốc độ nhanh gấp hai lần.

Ưu điểm dễ nhận biết nhất của engine mới PHPNG là sự cải thiện hiệu suất đáng kể. Đội ngũ phát triển của PHPNG đã tái cấu trúc Zend Engine, đáng chú ý là tối ưu hóa việc sử dụng bộ nhớ và bổ sung thêm một bộ biên dịch just-in-time (JIT) cho phép biên dịch vào thời điểm chạy chứ không phải trước khi thực hiện.



*so sánh tốc độ của PHP v7*

Kết quả thu được ra sao? Bạn có thể thấy bảng so sánh tốc độ thực thi như hình dưới đây được cung cấp bởi Zend Performance Team. Bằng cách sử dụng PHP 7 không chỉ giúp code của bạn thực thi nhanh hơn mà bạn cũng sẽ cần ít máy chủ hơn để phục vụ cùng một số lượng user.

## 3. Quản lý lỗi dễ dàng hơn.

Việc kiểm soát và có khả năng bắt các fatal error chưa bao giờ là công việc dễ dàng đối với các lập trình viên PHP. Engine Exceptions mới sẽ cho phép bạn thay thế những loại

lỗi này với các ngoại lệ (exception). Nếu ngoại lệ không bắt được thì PHP sẽ tiếp tục trả về các fatal error giống như các phiên bản PHP 5.X hiện hành.

Các đối tượng \EngineException mới không mở rộng \Exception Base Class. Điều này đảm bảo khả năng tương thích ngược và các kết quả từ hai kiểu exception khác nhau trong việc quản lý lỗi: truyền thống và engine exceptions.

Để cho phép các lập trình viên có thể bắt được cả hai, PHP 7 giới thiệu một Parent Class mới dưới cái tên là \BaseException.

```
try {  
    call_method(null); // oops!  
} catch (EngineException $e) {  
    echo "Exception: {$e->getMessage()}\n";  
}  
  
// Exception: Call to a member function method() on a non-object
```

*ví dụ về exception mới trong PHP v7*

#### 4. Hỗ trợ các hệ thống Windows 64-Bit.

PHP là một thành viên nổi bật của stack LAMP (Linux – Apache – MySQL – PHP), có nghĩa môi trường gốc của nó là Linux – nhưng bạn cũng có thể chạy nó trên một hệ thống Windows. Các phiên bản PHP 5.X chưa cung cấp số integer 64-bit hoặc hỗ trợ các tập tin lớn, vì vậy cho đến tận bây giờ các bản build x64 đã được coi là thử nghiệm.

PHP 7 sẽ thay đổi điều này với việc giới thiệu nhất quán hỗ trợ 64-bit nghĩa là cả các số nguyên 64-bit và các file lớn sẽ được hỗ trợ, cho phép bạn tự tin chạy ngôn ngữ này trên hệ điều hành Windows 64-bit của bạn trong tương lai.

#### 5. Các toán tử mới Spaceship và Null Coalescing.

Toán tử Spaceship chạy dưới tên chính thức là Combined Comparison Operator (toán tử so sánh kết hợp). Ký hiệu của toán tử mới trông như thế này: <=> (giống như một con tàu vũ trụ đơn giản, nếu bạn chịu khó tưởng tượng).

Toán tử spaceship này trả về 0 nếu cả hai toán hạng bằng nhau, 1 nếu toán hạng bên trái lớn hơn, và -1 nếu toán hạng bên phải lớn hơn. Nó cũng được gọi là một toán tử so sánh three-way, và đã tồn tại trong những ngôn ngữ lập trình phổ biến khác như Perl và Ruby.

Toán tử Null Coalescing được thể hiện bằng hai dấu chấm hỏi (??). Bạn có thể sử dụng nó khi muốn kiểm tra xem liệu một cái gì đó có tồn tại và trả về một giá trị mặc định hay không. Toán tử coalesce trả về kết quả của toán hạng đầu tiên nếu nó tồn tại và không null, và trả về toán hạng thứ hai trong các trường hợp khác.

Đây là cách mà toán tử mới này giảm được thời gian với những việc khai báo cơ bản:

operator	<=> equivalent
<code>\$a &lt; \$b</code>	<code>(\$a &lt;=&gt; \$b) === -1</code>
<code>\$a &lt;= \$b</code>	<code>(\$a &lt;=&gt; \$b) === -1    (\$a &lt;=&gt; \$b) === 0</code>
<code>\$a == \$b</code>	<code>(\$a &lt;=&gt; \$b) === 0</code>
<code>\$a != \$b</code>	<code>(\$a &lt;=&gt; \$b) !== 0</code>
<code>\$a &gt;= \$b</code>	<code>(\$a &lt;=&gt; \$b) === 1    (\$a &lt;=&gt; \$b) === 0</code>
<code>\$a &gt; \$b</code>	<code>(\$a &lt;=&gt; \$b) === 1</code>

*Toán tử mới trong PHP v7*

## 6. Cho phép định nghĩa kiểu dữ liệu khi khai báo.

Bạn đã bao giờ muốn ngăn chặn các giá trị trả về không mong muốn bằng cách khai báo giá trị trả về của một function? Vâng, bản PHP 7 mới này cho phép các lập trình viên nâng cao chất lượng code của họ với sự giúp đỡ của các khai báo kiểu trả về. Giống Hack Lang của Facebook.

Hình dưới đây mô tả một trường hợp rất đơn giản mà function foo() chắc chắn trả về một mảng.

```
function foo(): array {  
    return [];  
}
```

*Định nghĩa kiểu dữ liệu trả về trong PHP v7*

Để mở rộng các tính năng này nhiều hơn, PHP 7 giới thiệu 4 kiểu khai báo mới cho các kiểu vô hướng: int, float, string và bool. Những kiểu vô hướng mới này cho phép các

lập trình viên biểu thị rằng họ đang mong đợi các giá trị integer, float, string, hoặc boolean được trả về. Các kiểu vô hướng mới được giới thiệu bởi PHP 7 cũng sẽ được hỗ trợ bởi Type Hints cho phép các lập trình viên tập trung vào kiểu của các tham số kể từ các bản PHP 5.X.

## 7. Bổ sung thêm các class Anonymous.

PHP 7 cho phép bạn sử dụng các class vô danh (anonymous), đây là một đặc trưng đã có trong những ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng khác như C# và Java. Một class anonymous là một class không có tên. Đối tượng mà nó khởi tạo có cùng chức năng như một đối tượng của một lớp có tên.

Cú pháp giống như chúng ta sử dụng trong các class PHP truyền thống, chỉ có thiếu cái tên class. Nếu các lớp vô danh (anonymous classes) được sử dụng tốt, chúng có thể làm tăng tốc độ thực thi. Các lớp vô danh là tuyệt vời khi một class chỉ được sử dụng một lần trong suốt quá trình thực thi và trong những trường hợp một class không cần phải được ghi tài liệu.

```
var_dump(new class($i) {  
    public function __construct($i) {  
        $this->i = $i;  
    }  
});
```

*Bổ sung class nặc danh (anonymous)*

## 8. Dễ dàng hơn khi Imports trong cùng Namespace.

Đặc trưng mới Group Use Declarations sẽ là một món quà đáng giá dành cho những ai muốn import nhiều class từ cùng namespace. Cú pháp mới cắt bỏ sự rườm rà, làm cho code của bạn trở nên gọn gàng và dễ nhìn hơn, và giúp tiết kiệm cho bạn rất nhiều thời gian ngồi gõ code.

Nó cũng sẽ giúp việc đọc code và debug trở nên dễ dàng hơn, việc khai báo sử dụng group giúp bạn xác định các import thuộc về cùng module.

*// Proposed group use syntax:*

```
use FooLibrary\Bar\Baz\{ ClassA, ClassB, ClassC, ClassD as Fizbo };
```

*// Compared to current use syntax:*

```
use FooLibrary\Bar\Baz\ClassA;
```

```
use FooLibrary\Bar\Baz\ClassB;
```

```
use FooLibrary\Bar\Baz\ClassC;
```

```
use FooLibrary\Bar\Baz\ClassD as Fizbo;
```

*Import trong PHP v7*

## Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU.....	<a href="#">I</a>
GIỚI THIỆU NHỮNG TÍNH NĂNG MỚI CỦA PHP 7 .....	<a href="#">II</a>
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG .....	1
Mục 1.1. Tóm Tắt Đề Tài .....	1
Mục 1.2. Mục đích, yêu cầu của hệ thống .....	1
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG .....	3
Mục 2.1. Các tác nhân tham gia hệ thống .....	3
Mục 2.2. Đặc tả hệ thống.....	3
Mục 2.3. Mô hình quan hệ dữ liệu.....	21
Mục 2.4. Từ điển dữ liệu.....	21
Tiểu mục 2.4.1. Bảng Product (Sản phẩm).....	21
Tiểu mục 2.4.2. Bảng Supplier (Nhà phân phối).....	22
Tiểu mục 2.4.3. Bảng Category (Danh mục sản phẩm) .....	22
Tiểu mục 2.4.4. Bảng Order (Đơn hàng) .....	23
Tiểu mục 2.4.5. Bảng OrderDetails (Chi tiết đơn hàng).....	23
Tiểu mục 2.4.6. Bảng User (Người dùng).....	23
Mục 2.5. Câu lệnh tạo table.....	24
Tiểu mục 2.5.1. Câu lệnh tạo bảng Product:.....	24
Tiểu mục 2.5.2. Câu lệnh tạo bảng Supplier: .....	24
Tiểu mục 2.5.3. Câu lệnh tạo bảng Category .....	24
Tiểu mục 2.5.4. Câu lệnh tạo bảng Order.....	25
Tiểu mục 2.5.5. Câu lệnh tạo bảng OrderDetails.....	25
Tiểu mục 2.5.6. Câu lệnh tạo bảng User.....	25
CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ GIAO DIỆN .....	26
Mục 3.1. Giao diện quản trị.....	26



<i>Tiểu mục 3.1.1. Trang tổng quan.....</i>	<i>26</i>
<i>Tiểu mục 3.1.2. Quản lý người dùng .....</i>	<i>27</i>
<i>Tiểu mục 3.1.3. Quản lý danh mục sản phẩm.....</i>	<i>27</i>
<i>Tiểu mục 3.1.4. Trang quản lý nhà cung cấp .....</i>	<i>28</i>
<i>Tiểu mục 3.1.5. Trang quản lý sản phẩm.....</i>	<i>29</i>
<i>Tiểu mục 3.1.6. Trang quản lý đơn hàng .....</i>	<i>31</i>
<b>Mục 3.2. Trang khách hàng .....</b>	<b>33</b>
<i>Tiểu mục 3.2.1. Trang đăng kí.....</i>	<i>33</i>
<i>Tiểu mục 3.2.2. Trang đăng nhập .....</i>	<i>34</i>
<i>Tiểu mục 3.2.3. Trang chủ .....</i>	<i>34</i>
<i>Tiểu mục 3.2.4. Trang danh mục sản phẩm.....</i>	<i>36</i>
<i>Tiểu mục 3.2.5. Trang thông tin chi tiết sản phẩm.....</i>	<i>36</i>
<i>Tiểu mục 3.2.6. Trang giỏ hàng .....</i>	<i>37</i>
<i>Tiểu mục 3.2.7. Trang thông tin (About Us).....</i>	<i>38</i>
<i>Tiểu mục 3.2.8. Trang liên hệ.....</i>	<i>39</i>
<i>Tiểu mục 3.2.9. Trang thông tin người dùng.....</i>	<i>40</i>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>41</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>42</b>

## **Danh mục bảng biểu, hình ảnh**

Bảng 2-1. Bảng Product .....	22
Bảng 2-2. Bảng Supplier .....	22
Bảng 2-3. Bảng Category .....	22
Bảng 2-4. Bảng Order .....	23
Bảng 2-5. Bảng OrderDetails .....	23
Bảng 2-6. Bảng User.....	24
Hình 2-1. Sơ đồ chức năng trang Web.....	3
Hình 2-2. Mô hình quan hệ dữ liệu .....	21
Hình 3-1. Giao diện trang tổng quan .....	26
Hình 3-2. Giao diện trang quản lý người dùng.....	27
Hình 3-3. Giao diện trang quản lý danh mục sản phẩm .....	27
Hình 3-4. Giao diện thêm danh mục sản phẩm .....	28
Hình 3-5. Giao diện trang quản lý nhà cung cấp.....	28
Hình 3-6. Giao diện trang chỉnh sửa nhà cung cấp .....	29
Hình 3-7. Giao diện trang quản lý sản phẩm .....	29
Hình 3-8. Giao diện trang thêm mới sản phẩm .....	30
Hình 3-9. Giao diện trang xem chi tiết sản phẩm .....	30
Hình 3-10. Giao diện trang cập nhật thông tin sản phẩm.....	31
Hình 3-11. Giao diện trang quản lý đơn hàng .....	31
Hình 3-12. Giao diện xem chi tiết đơn hàng.....	32
Hình 3-13. Giao diện trang đăng kí .....	33
Hình 3-14. Giao diện trang đăng nhập .....	34
Hình 3-15. Giao diện trang chủ .....	34
Hình 3-16. Giao diện trang chủ .....	35

Hình 3-17. Giao diện trang danh mục sản phẩm .....	36
Hình 3-18. Giao diện trang xem chi tiết sản phẩm .....	36
Hình 3-19. Giao diện thêm sản phẩm vào giỏ hàng.....	37
Hình 3-20. Giao diện trang giỏ hàng .....	37
Hình 3-21. Giao diện trang thông tin chung .....	38
Hình 3-22. Giao diện trang liên hệ.....	39
Hình 3-23. Giao diện trang xem thông tin cá nhân .....	40
Hình 3-24. Giao diện trang đổi thông tin cá nhân .....	40

# **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG**

## **Mục 1.1. Tóm Tắt Đề Tài**

Dựa trên những gì đã được học và tìm hiểu, nhóm đã xây dựng một trang web bán hàng qua mạng, một hình thức phổ biến hiện nay. Với đề tài “Website quản lý bán thuốc”, trang web với mục đích giúp người dùng có thể dễ dàng mua được sản phẩm phù hợp mà không cần đến tận nơi, chỉ cần vài cú click chuột là khách hàng có thể mua được loại thuốc mà mình mong muốn.

Website cung cấp thông tin về sản phẩm các loại thuốc, giá bán, số lượng và thông tin về thuốc. Hình ảnh và thông tin được cập nhật nhanh chóng giúp người dùng nắm bắt được chính xác nhất, rút ngắn được thời gian và khoảng cách mua bán giữa người bán và người mua.

Website cũng là nơi mà nhà quản lý có thể nắm bắt và quản lý dễ dàng nhất đối với các hoạt động của nhà thuốc.

## **Mục 1.2. Mục đích, yêu cầu của hệ thống**

- Giao diện hướng người dùng, dễ dàng sử dụng và tiện lợi.
- Là một Website động, mọi thông tin luôn được cập nhật thường xuyên.
- Bố cục rõ ràng, mạch lạc. Màu sắc trang nhã không lòe loẹt, tôn lên hình ảnh của sản phẩm. Font chữ đồng đều, thống nhất. Tạo cho người dùng cảm giác thân thiện và dễ dàng sử dụng.
- Nhà quản lý có thể dễ dàng quản lý, nắm bắt, theo dõi toàn bộ các thông tin của cửa hàng.
- Giới thiệu thông tin cửa hàng: địa chỉ liên hệ chính, địa chỉ của các chi nhánh khác (nếu có), email và số điện thoại của cửa hàng. Phần này có thể xuất hiện ở bất cứ trang nào của website, giúp khách hàng dễ dàng nắm bắt được thông tin về cửa hàng và liên hệ khi cần.
- Giới thiệu về thông tin sản phẩm: hình ảnh của từng sản phẩm rõ nét, có kèm theo thông tin về giá, xuất xứ, số lượng... Cùng với đó là giới thiệu chi tiết về công dụng của từng sản phẩm. Hiện thị danh sách mặt hàng, loại mặt hàng bán chạy nhất, sản phẩm mới...

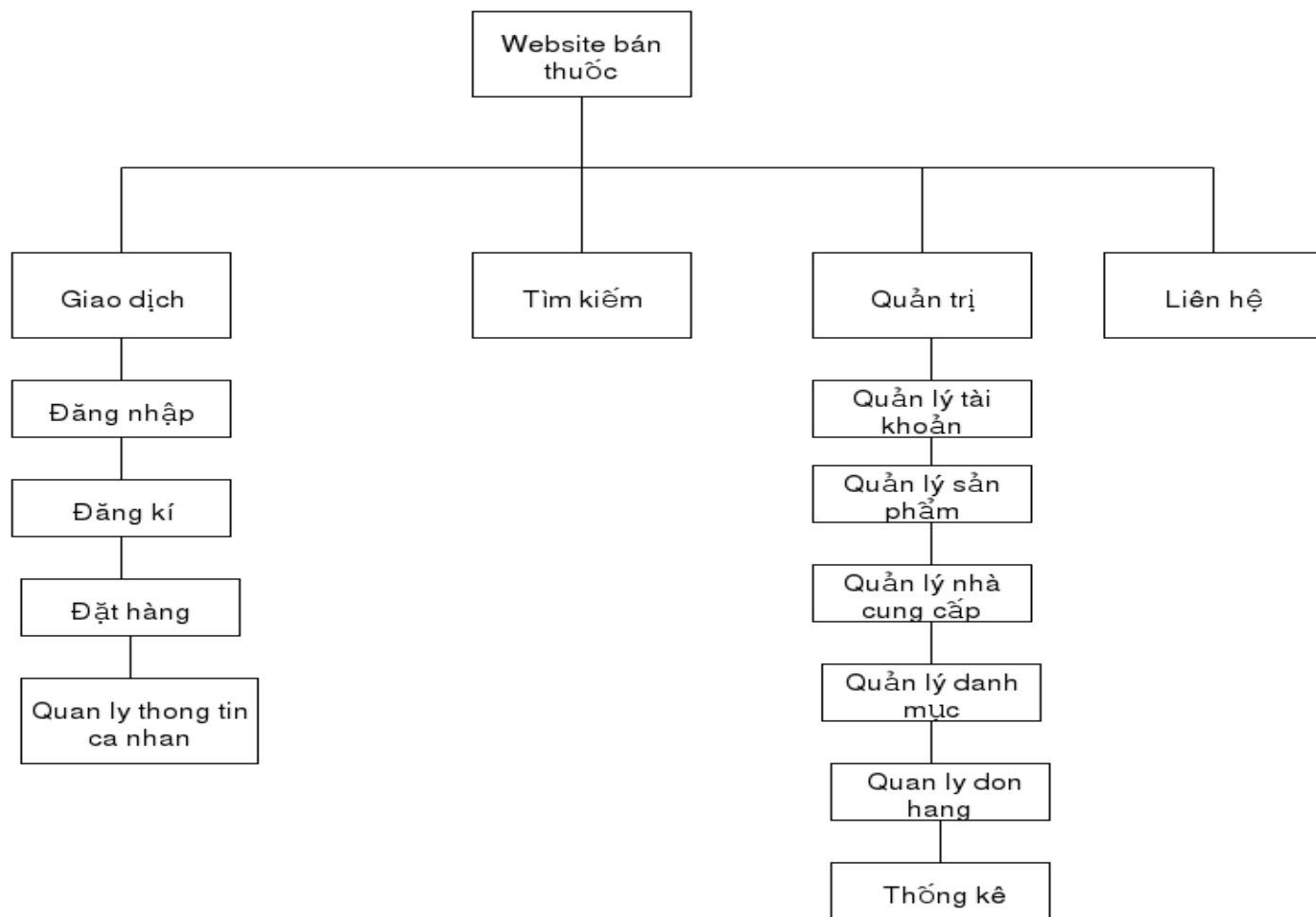
- Bất cứ khi nào người dùng có thể kiểm tra thông tin giỏ hàng, cập nhật lại giỏ hàng và thanh toán trực tuyến.
- Người dùng có thể thay đổi thông tin cá nhân và theo dõi lại lịch sử các giao dịch.

## CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG

### Mục 2.1. Các tác nhân tham gia hệ thống

- Nhà quản lý: Là tác nhân quan trọng nhất của hệ thống, là người chịu trách nhiệm đảm bảo việc hoạt động của hệ thống thông qua việc quản trị mọi chức năng của hệ thống.
- Khách hàng: Cũng là tác nhân của hệ thống, tác nhân này sẽ tương tác chủ yếu với hệ thống mua hàng của trang Web.

### Mục 2.2. Đặc tả hệ thống



Hình 2-1. Sơ đồ chức năng trang Web

UC #0001		ĐĂNG NHẬP	Độ phức tạp: Normal
Mô tả		HT cho phép nhà quản lý và khách hàng đăng nhập vào HT thông qua tên đăng nhập và mật khẩu. Sau khi đăng nhập thành công, có thể sử dụng các chức năng được cho phép.	
Tác nhân	Chính	Nhà quản lý, khách hàng.	
	Phụ	Không có.	
Tiền điều kiện		Cần phải có tài khoản đăng nhập hệ thống.	
Hậu điều kiện	Thành công	Sau khi đăng nhập thành công, sẽ được sử dụng các chức năng được cho phép.	
	Lỗi	Thực hiện lại việc đăng nhập hoặc hủy bỏ thao tác.	
ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG			
Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính			
<b>Luồng chính:</b> Chức năng này bắt đầu khi nhà quản lý, khách hàng muốn sử dụng các chức năng khác của HT.  1. Nhà quản lý, khách hàng chọn đăng nhập trên trang web của HT. 2. HT yêu cầu nhập đầy đủ các thông tin: - Tên đăng nhập; - Mật khẩu; 3. Sau khi nhà quản lý, khách hàng nhập các thông tin và chọn nút đăng nhập, HT sẽ kiểm tra thông tin nhập vào với cơ sở dữ liệu và thông báo kết quả. - Nếu khớp với cơ sở dữ liệu thì HT sẽ hiện thông báo đăng nhập thành công. - Nếu không khớp với cơ sở dữ liệu thì HT sẽ thông báo để nhà quản lý, khách hàng nhà quản lý, khách hàng có thể nhập lại hoặc hủy bỏ thao tác.			
Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh			
Nhập thiếu thông tin  Khi nhà quản lý, khách hàng nhập thiếu các thông tin được yêu cầu thì HT sẽ thông báo để nhà quản lý, khách hàng điền đầy đủ.			

<b>Các yêu cầu đặc biệt khác</b>
Không có.

UC #0002		ĐĂNG KÍ	Độ phức tạp: Normal
Mô tả		HT cho phép khách hàng đăng kí vào HT bằng cách điền đầy đủ thông tin để thực hiện các chức năng có trong hệ thống.	
Tác nhân	Chính	Khách hàng.	
	Phụ	Không có.	
Tiền điều kiện		Không có	
Hậu điều kiện	Thành công	Sau khi đăng kí thành công hệ thống sẽ chuyển về trang chủ của trang Web	
	Lỗi	Thực hiện lại việc đăng nhập hoặc hủy bỏ thao tác.	
ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG			
Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính			
Luồng chính:			
<div><div>1.</div><div>Chức năng này bắt đầu khi khách hàng muốn mua hàng và sử dụng các chức năng khác của HT.</div></div> <div><div>2.</div><div>Khách hàng chọn đăng kí trên trang web của HT.</div></div> <div><div>3.</div><div>HT yêu cầu nhập đầy đủ các thông tin cần thiết để đăng kí:<div><div>-</div><div>Tên đăng nhập;</div></div><div><div>-</div><div>Mật khẩu;</div></div><div><div>-</div><div>Ngày sinh nhật;</div></div><div><div>-</div><div>Số điện thoại;</div></div><div><div>-</div><div>Email;</div></div><div><div>-</div><div>Địa chỉ;</div></div></div></div> <div><div>4.</div><div>Sau khi nhà khách hàng nhập các thông tin và chọn nút đăng kí, HT sẽ kiểm tra thông tin nhập vào với cơ sở dữ liệu và thông báo kết quả.<div><div>-</div><div>Nếu tên đăng nhập tồn tại trong cơ sở dữ liệu thì sẽ thông báo lỗi để khách hàng nhà quản lý, khách hàng có thể nhập lại hoặc hủy bỏ thao tác.</div></div><div><div>-</div><div>Nếu tài khoản chưa tồn tại trong cơ sở dữ liệu thì HT sẽ thêm người dùng đó vào HT và tạo tài khoản cho khách hàng đăng kí.</div></div></div></div>			



<b>Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh</b>
<b>Nhập thiếu thông tin</b>
Khi nhà quản lý, khách hàng nhập thiếu các thông tin được yêu cầu thì HT sẽ thông báo để nhà khách hàng điền đầy đủ.
<b>Các yêu cầu đặc biệt khác</b>
Không có.

UC #0003		QUẢN LÝ THÔNG TIN TÀI KHOẢN	Độ phức tạp: Normal
Mô tả		Chức năng này cho phép khách hàng quản lý thông tin tài khoản đăng nhập HT của mình. Đối với người mua, HT cho phép sử dụng chức năng này để thay đổi thông tin cá nhân bao gồm các thông tin: mật khẩu đăng nhập, họ tên người dùng, email, địa chỉ, ngày sinh, số điện thoại. Đặc biệt đối với tài khoản khách hàng sẽ có thêm chức năng xem lịch sử giao dịch và tài khoản người quản lý có chức năng phân quyền cho khách hàng.	
Tác nhân	Chính	Khách hàng.	
	Phụ	Không có.	
Tiền điều kiện		Phải đăng nhập hệ thống trước khi sử dụng chức năng này.	
Hậu điều kiện	Thành công	Thông tin cá nhân người dùng được cập nhật vào hệ thống (nếu có).	
	Lỗi	Thông tin cá nhân giữ nguyên tình trạng ban đầu.	
ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG			
Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính			
Luồng chính:			
Chức năng này bắt đầu khi khách hàng muốn thay đổi thông tin tài khoản của mình.			
1. Khách hàng chọn quản lý thông tin tài khoản bằng cách chọn vào họ tên trên giao diện.			

2. HT hiển thị 2 phần bao gồm thông tin cá nhân của người dùng và phần thay đổi mật khẩu.
3. Khi khách hàng chọn 1 trong các chức năng trên thì luồng con tương ứng được thực hiện.
  - Nếu thay đổi thông tin cá nhân thì luồng con – quản lý thông tin cá nhân được thực hiện.
  - Nếu chọn thay đổi mật khẩu thì luồng con – đổi mật khẩu được thực hiện.

***Luồng con – quản lý thông tin cá nhân:***

1. HT hiển thị thông tin cá nhân:
2. Đối với khách hàng sẽ hiển thị thông tin cá nhân bao gồm:
  - Quyền (chỉ được xem);
  - Tên đăng nhập (chỉ được xem);
  - Họ tên;
  - Giới tính;
  - Ngày sinh;
  - Địa chỉ;
  - Số điện thoại;
  - Email.
3. Khách hàng thay đổi nội dung của các thông tin cần thiết chỉnh sửa sau đó chọn cập nhật.
4. HT yêu cầu khách hàng xác nhận việc chỉnh sửa thông tin cá nhân bằng việc nhập lại mật khẩu lần nữa.
5. KH điền mật khẩu vào phần xác nhận.
6. HT thông báo thay đổi thông tin cá nhân thành công.

***Luồng con – đổi mật khẩu:***

1. HT yêu cầu nhập vào các thông tin sau:
  - Mật khẩu hiện tại;
  - Mật khẩu mới;
  - Nhập lại mật khẩu mới;
  - Mã xác nhận (captcha).
2. Khách hàng nhập đầy đủ các thông tin sau đó chọn cập nhật.
3. HT thông báo thay đổi mật khẩu thành công và luồng chính được khởi động lại tại thời điểm sau khi thông tin thay đổi thành công.

**Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh**

**Nhập thiếu thông tin**

Nếu trong luồng chính, khách hàng nhập thiếu các thông tin được yêu cầu thì HT sẽ lưu lại giá trị ban đầu của thông tin
<b>Thông tin không hợp lệ</b>
Nếu trong các luồng con, thông tin nhập vào không hợp lệ như sai cấu trúc email, sai mật khẩu, số điện thoại không hợp lệ thì HT sẽ thông báo và yêu cầu nhập lại thông tin đó hoặc hủy bỏ thao tác.
<b>Các yêu cầu đặc biệt khác</b>
Không có.

UC #0004		QUẢN LÝ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG	Độ phức tạp: High
Mô tả		Chức năng này cho phép nhà quản lý tài khoản của khách hàng như sửa, xóa, phân quyền trong hệ thống.	
Tác nhân	Chính	Nhà quản lý.	
	Phụ	Không có.	
Tiền điều kiện		Phải đăng nhập vào HT quản trị trước khi sử dụng chức năng này.	
Hậu điều kiện	Thành công	Thông tin khách hàng được cập nhật vào hệ thống.	
	Lỗi	Không có.	
ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG			
Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính			
Luồng chính:			
Chức năng này bắt đầu khi người quản lý muốn quản lý, phân quyền khách hàng có trong hệ thống. Chức năng này chỉ có cho nhà quản lý sử dụng.			
1. Nhà quản lý chọn chức năng quản lý khách hàng.			
2. HT hiển thị mục “Danh sách khách hàng”			
3. Khi nhà quản lý chọn “Danh sách khách hàng”, HT sẽ hiển thị danh sách các khách hàng hiện có và cho phép chỉnh sửa, phân quyền, xóa khách hàng.			
Thông tin khách hàng bao gồm:			

- Tên đăng nhập;
  - Tên đầy đủ;
  - Quyền;
  - Địa chỉ;
  - Ngày sinh;
  - Email;
  - Số điện thoại.
4. Khi nhà quản lý chọn một trong các chức năng thì luồng con tương ứng được thực hiện:
    - Nếu chọn phân quyền thì luồng con – phân quyền khách hàng được thực hiện;
    - Nếu chọn chỉnh sửa thì luồng con – chỉnh sửa khách hàng được thực hiện;
    - Nếu chọn xóa thì luồng con – xóa khách hàng được thực hiện.

***Luồng con – phân quyền khách hàng:***

1. HT sẽ hiển thị danh sách khách hàng.
2. Nhà quản lý sẽ chọn khách hàng cần phân quyền.
3. HT hiển thị danh sách các quyền trong HT.
4. Khách hàng chọn các quyền muốn cấp cho khách hàng sử dụng sau đó chọn “Lưu”.
5. Thông tin phân quyền được cập nhật vào HT, HT thông báo phân quyền thành công.

***Luồng con – chỉnh sửa thông tin khách hàng:***

1. Nhà quản lý chọn nhóm khách hàng muốn chỉnh sửa.
2. HT hiển thị các thông tin hiện tại của khách hàng. Thông tin tương tự như luồng con – thêm mới khách hàng.
3. Nhà quản lý chỉnh sửa các thông tin cần thiết sau đó chọn cập nhật.
4. Thông tin khách hàng được cập nhật vào HT, HT thông báo chỉnh sửa thành công và hiển thị thông tin sau khi cập nhật của khách hàng.

***Luồng con – xóa khách hàng:***

1. Nhà quản lý chọn khách hàng muốn xóa.
2. Nhà quản lý xác nhận việc xóa.
3. Hệ thống sẽ khách hàng đó trong CSDL.
4. HT thông báo xóa thành công và luồng chính được khởi động lại tại thời điểm sau khi chọn “Xác nhận xóa”.

**Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh**

**Tên khách hàng đã tồn tại**

Nếu trong các luồng con – thêm mới khách hàng, chỉnh sửa khách hàng, tên khách hàng đã tồn tại thì HT sẽ thông báo để nhà quản lý thay đổi hoặc hủy bỏ thao tác.		
<b>Các yêu cầu đặc biệt khác</b>		
Không có.		
<b>UC #0005</b>	<b>QUẢN LÝ SẢN PHẨM</b>	<b>Độ phức tạp: High</b>
<b>Mô tả</b>	Chức năng này cho phép nhà quản lý quản lý sản phẩm có trong hệ thống với các chức năng như xem chi tiết, thêm, sửa, xóa sản phẩm.	
<b>Tác nhân</b>	<b>Chính</b>	Nhà quản lý
	<b>Phụ</b>	Không có.
<b>Tiền điều kiện</b>		Phải đăng nhập vào HT quản trị trước khi sử dụng chức năng này.
<b>Hậu điều kiện</b>	<b>Thành công</b>	Thông tin sản phẩm được cập nhật vào hệ thống.
	<b>Lỗi</b>	Không có.
<b>ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG</b>		
<b>Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính</b>		
<p><b>Luồng chính:</b></p> <p>Chức năng này bắt đầu khi người quản lý muốn quản lý sản phẩm có trong hệ thống. Chức năng này chỉ có cho nhà quản lý sử dụng.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhà quản lý chọn chức năng quản lý sản phẩm.</li> <li>2. HT hiển thị mục “Danh sách sản phẩm”.</li> <li>3. Khi nhà quản lý chọn “Danh sách sản phẩm”, HT sẽ hiển thị danh sách các sản phẩm hiện có và cho phép xem chi tiết, thêm mới, chỉnh sửa, xóa sản phẩm . Thông tin sản phẩm bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ảnh;</li> <li>- Đơn giá;</li> <li>- Phần trăm giảm giá;</li> <li>- Số lượng trong kho;</li> <li>- Tên sản phẩm;</li> <li>- Nhà cung cấp;</li> <li>- Danh mục hàng;</li> </ul> </li> </ol>		

- Đơn vị;
  - Mô tả.
4. Khi nhà quản lý chọn một trong các chức năng thì luồng con tương ứng được thực hiện:
- Nếu chọn thêm mới thì luồng con – thêm mới nhà cung cấp được thực hiện;
  - Nếu chọn xem chi tiết thì luồng con – xem chi tiết sản phẩm được thực hiện;
  - Nếu chọn chỉnh sửa thì luồng con – chỉnh sửa sản phẩm được thực hiện;
  - Nếu chọn xóa thì luồng con – xóa sản phẩm được thực hiện.

***Luồng con – thêm mới sản phẩm:***

1. HT yêu cầu nhà quản lý nhập đầy đủ các thông tin:
  - Ảnh;
  - Đơn giá;
  - Phần trăm giảm giá;
  - Số lượng trong kho;
  - Tên sản phẩm;
  - Nhà cung cấp;
  - Danh mục hàng;
  - Đơn vị;
  - Mô tả;
2. Nhà quản lý nhập các thông tin sau đó chọn “Thêm”.
3. HT sẽ thêm sản phẩm thành công và sinh ra một mã sản phẩm cố duy nhất cho sản phẩm đó.

***Luồng con – xem chi tiết sản phẩm:***

1. HT sẽ hiển thị danh sách sản phẩm.
2. Nhà quản lý sẽ chọn sản phẩm từ danh sách để xem chi tiết.
3. HT hiển thị chi tiết thông tin sản phẩm cần đã chọn.
4. Chọn hủy bỏ để trở về xem danh sách sản phẩm.

***Luồng con – chỉnh sửa thông tin sản phẩm:***

1. Nhà quản lý chọn nhóm sản phẩm muốn chỉnh sửa.
2. HT hiển thị các thông tin hiện tại của sản phẩm. Thông tin tương tự như luồng con – thêm mới sản phẩm.
3. Nhà quản lý chỉnh sửa các thông tin cần thiết sau đó chọn cập nhật.
4. Thông tin sản phẩm được cập nhật vào HT, HT thông báo chỉnh sửa thành công và hiển thị thông tin sau khi cập nhật của sản phẩm.

***Luồng con – xóa sản phẩm:***

1. Nhà quản lý chọn sản phẩm muốn xóa.
2. Nhà quản lý xác nhận việc xóa.

<p>3. Hệ thống sẽ xóa sản phẩm đó trong CSDL</p> <p>4. HT thông báo xóa thành công và luồng chính được khởi động lại tại thời điểm sau khi chọn “Xác nhận xóa”.</p>
<b>Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh</b>
<b>Tên sản phẩm đã tồn tại</b>
Nếu trong các luồng con – thêm mới sản phẩm, chỉnh sửa sản phẩm, tên sản phẩm đã tồn tại thì HT sẽ thông báo để nhà quản lý thay đổi hoặc hủy bỏ thao tác.
<b>Các yêu cầu đặc biệt khác</b>
Không có.

<b>UC #0006</b>		<b>QUẢN LÝ NHÀ CUNG CẤP</b>	<b>Độ phức tạp: High</b>
<b>Mô tả</b>		Chức năng này cho phép nhà quản lý quản lý nhà cung cấp có trong hệ thống với các chức năng như thêm, sửa, xóa nhà cung cấp.	
<b>Tác nhân</b>	<b>Chính</b>	Nhà quản lý	
	<b>Phụ</b>	Không có.	
<b>Tiền điều kiện</b>		Phải đăng nhập vào HT quản trị trước khi sử dụng chức năng này.	
<b>Hậu điều kiện</b>	<b>Thành công</b>	Thông tin nhà cung cấp được cập nhật vào hệ thống.	
	<b>Lỗi</b>	Không có.	

#### ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG

#### Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính

##### ***Luồng chính:***

Chức năng này bắt đầu khi người quản lý muốn quản lý nhà cung cấp có trong hệ thống. Chức năng này chỉ có cho nhà quản lý sử dụng.

1. Nhà quản lý chọn chức năng quản lý nhà cung cấp
2. HT hiển thị mục “Danh sách nhà cung cấp”
3. Khi nhà quản lý chọn “Danh sách nhà cung cấp”, HT sẽ hiển thị danh sách các nhà cung cấp hiện có và cho phép xem chi tiết, thêm mới, chỉnh sửa, xóa nhà cung cấp. Thông tin nhà cung cấp bao gồm:

- ID nhà cung cấp;
  - Tên nhà cung cấp;
  - Địa chỉ;
  - Email;
  - Số điện thoại.
4. Khi nhà quản lý chọn một trong các chức năng thì luồng con tương ứng được thực hiện:
- Nếu chọn thêm mới thì luồng con – thêm mới nhà cung cấp được thực hiện;
  - Nếu chọn chỉnh sửa thì luồng con – chỉnh sửa nhà cung cấp được thực hiện;
  - Nếu chọn xóa thì luồng con – xóa nhà cung cấp được thực hiện.

***Luồng con – thêm mới nhà cung cấp:***

1. HT yêu cầu nhà quản lý nhập đầy đủ các thông tin:
  - ID nhà cung cấp;
  - Tên nhà cung cấp;
  - Địa chỉ;
  - Email;
  - Số điện thoại;
  - Nhà quản lý nhập các thông tin sau đó chọn “Thêm”.
2. HT sẽ thêm nhà cung cấp thành công và sinh ra một mã nhà cung cấp cố duy nhất cho nhà cung cấp đó.

***Luồng con – chỉnh sửa thông tin nhà cung cấp:***

1. Nhà quản lý chọn nhóm nhà cung cấp muốn chỉnh sửa;
2. HT hiển thị các thông tin hiện tại của nhà cung cấp. Thông tin tương tự như luồng con – thêm mới nhà cung cấp.
3. Nhà quản lý chỉnh sửa các thông tin cần thiết sau đó chọn cập nhật.
4. Thông tin nhà cung cấp được cập nhật vào HT, HT thông báo chỉnh sửa thành công và hiển thị thông tin sau khi cập nhật của nhà cung cấp.

***Luồng con – xóa nhà cung cấp:***

1. Nhà quản lý chọn nhà cung cấp muốn xóa.
2. Nhà quản lý xác nhận việc xóa.
3. Hệ thống sẽ xóa nhà cung cấp đó trong CSDL
4. HT thông báo xóa thành công và luồng chính được khởi động lại tại thời điểm sau khi chọn “Xác nhận xóa”.

**Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh**

**Tên nhà cung cấp đã tồn tại**



Nếu trong các luồng con – thêm mới nhà cung cấp, chỉnh sửa nhà cung cấp, tên nhà cung cấp đã tồn tại thì HT sẽ thông báo để nhà quản lý thay đổi hoặc hủy bỏ thao tác.
<b>Các yêu cầu đặc biệt khác</b>
Không có.

UC #0007		QUẢN LÝ DANH MỤC	Độ phức tạp: High
Mô tả		Chức năng này cho phép nhà quản lý quản lý danh mục có trong hệ thống với các chức năng như thêm, sửa, xóa danh mục.	
Tác nhân	Chính	Nhà quản lý	
	Phụ	Không có.	
Tiền điều kiện		Phải đăng nhập vào HT quản trị trước khi sử dụng chức năng này.	
Hậu điều kiện	Thành công	Thông tin danh mục được cập nhật vào hệ thống.	
	Lỗi	Không có.	
ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG			
Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính			
<b>Luồng chính:</b> Chức năng này bắt đầu khi người quản lý muốn quản lý danh mục có trong hệ thống. Chức năng này chỉ có cho nhà quản lý sử dụng			
1. Nhà quản lý chọn chức năng quản lý danh mục.			
2. HT hiển thị mục “Danh sách danh mục”.			
3. Khi nhà quản lý chọn “Danh sách danh mục”, HT sẽ hiển thị danh sách các danh mục hiện có và cho phép xem chi tiết,thêm mới, chỉnh sửa,xóa danh mục . Thông tin danh mục bao gồm:			
- ID danh mục;			
- Tên danh mục;			
- Mô tả chung.			
4. Khi nhà quản lý chọn một trong các chức năng thì luồng con tương ứng được thực hiện:			
- Nếu chọn thêm mới thì luồng con – thêm mới danh mục được thực hiện;			

- Nếu chọn chỉnh sửa thì luồng con – chỉnh sửa danh mục được thực hiện;
- Nếu chọn xóa thì luồng con – xóa danh mục được thực hiện.

***Luồng con – thêm mới danh mục:***

1. HT yêu cầu nhà quản lý nhập đầy đủ các thông tin:
  - ID danh mục;
  - Tên danh mục;
  - Mô tả chung.
2. Nhà quản lý nhập các thông tin sau đó chọn “Thêm”.
3. HT sẽ thêm danh mục thành công và sinh ra một mã danh mục cố duy nhất cho danh mục đó.

***Luồng con – chỉnh sửa thông tin danh mục:***

1. Nhà quản lý chọn nhóm danh mục muốn chỉnh sửa.
2. HT hiển thị các thông tin hiện tại của danh mục. Thông tin tương tự như luồng con – thêm mới danh mục.
3. Nhà quản lý chỉnh sửa các thông tin cần thiết sau đó chọn cập nhật.
4. Thông tin danh mục được cập nhật vào HT, HT thông báo chỉnh sửa thành công và hiển thị thông tin sau khi cập nhật của danh mục.

***Luồng con – xóa danh mục:***

1. Nhà quản lý chọn danh mục muốn xóa.
2. Nhà quản lý xác nhận việc xóa.
3. Hệ thống sẽ xóa danh mục đó trong CSDL
4. HT thông báo xóa thành công và luồng chính được khởi động lại tại thời điểm sau khi chọn “Xác nhận xóa”.

**Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh**

**Tên danh mục đã tồn tại**

Nếu trong các luồng con – thêm mới danh mục, chỉnh sửa danh mục, tên danh mục đã tồn tại thì HT sẽ thông báo để nhà quản lý thay đổi hoặc hủy bỏ thao tác.

**Các yêu cầu đặc biệt khác**

Không có.

UC #0008		QUẢN LÝ ĐƠN HÀNG	Độ phức tạp: High
Mô tả		Chức năng này cho phép nhà quản lý quản lý đơn hàng do khách hàng đặt hàng từ trang Web bán hàng của hệ thống, người quản lý có thể xem hóa đơn khách hàng.	
Tác nhân	Chính	Nhà quản lý	
	Phụ	Không có.	
Tiền điều kiện		Phải đăng nhập vào HT quản trị trước khi sử dụng chức năng này.	
Hậu điều kiện	Thành công	Hiển thị danh sách các đơn hàng có trong hệ thống.	
	Lỗi	Không hiển thị đơn hàng do chưa có đơn hàng nào.	
ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG			
Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính			
Luồng chính:			
Chức năng này bắt đầu khi người quản lý muốn quản lý đơn hàng của khách hàng đặt hàng qua trang web bán hàng có trong hệ thống. Chức năng này chỉ có cho nhà quản lý sử dụng.			
<div>1. Nhà quản lý chọn chức năng quản lý đơn hàng.</div> <div>2. HT hiển thị mục “Danh sách đơn hàng”.</div> <div>3. Khi nhà quản lý chọn “Danh sách đơn hàng”, HT sẽ hiển thị danh sách các đơn hàng hiện có và cho phép xem, chỉnh sửa,xóa đơn hàng . Thông tin đơn hàng bao gồm:<div><div>- Tên đơn hàng;</div><div>- Tên người dùng;</div><div>- Ngày đặt hàng.</div></div></div> <div>4. Khi nhà quản lý chọn một trong các chức năng thì luồng con tương ứng được thực hiện:<div><div>- Nếu chọn xem đơn hàng thì luồng con – xem đơn hàng được thực hiện;</div><div>- Nếu chọn chỉnh sửa thì luồng con – chỉnh sửa đơn hàng được thực hiện;</div><div>- Nếu chọn xóa thì luồng con – xóa đơn hàng được thực hiện.</div></div></div>			
Luồng con – xem chi tiết đơn hàng:			
<div>1. HT sẽ hiển thị danh sách đơn hàng .</div>			

2. Nhà quản lý sẽ chọn đơn hàng từ danh sách để xem chi tiết.
3. HT hiển thị chi tiết thông tin đơn hàng bao gồm:
  - ID Đơn hàng;
  - Ngày tạo hóa đơn;
  - Tên Người gửi;
  - Tên người nhận;
  - Địa chỉ người nhận;
  - Số điện thoại;
  - Tổng số tiền;
  - Tên mặt hàng;
4. Số lượng từng mặt hàng.
5. Phương thức thanh toán.
6. Chọn hủy bỏ để trở về xem danh sách sản phẩm.

***Luồng con – chỉnh sửa thông tin đơn hàng:***

1. Nhà quản lý chọn nhóm đơn hàng muốn chỉnh sửa.
2. HT hiển thị các thông tin hiện tại của đơn hàng. Thông tin bao gồm:
  - Tên người nhận;
  - Địa chỉ người nhận.
3. Nhà quản lý chỉnh sửa các thông tin cần thiết sau đó chọn cập nhật.
4. Thông tin đơn hàng được cập nhật vào HT, HT thông báo chỉnh sửa thành công và hiển thị thông tin sau khi cập nhật của đơn hàng.

***Luồng con – xóa đơn hàng:***

1. Nhà quản lý chọn đơn hàng muốn xóa.
2. Nhà quản lý xác nhận việc xóa.
3. Hệ thống sẽ xóa đơn hàng đó trong CSDL.
4. HT thông báo xóa thành công và luồng chính được khởi động lại tại thời điểm sau khi chọn “Xác nhận xóa”.

**Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh**

**Tên đơn hàng đã tồn tại**

Nếu trong các luồng con – thêm mới đơn hàng, chỉnh sửa đơn hàng, tên nhà cung cấp đã tồn tại thì HT sẽ thông báo để nhà quản lý thay đổi hoặc hủy bỏ thao tác.

**Các yêu cầu đặc biệt khác**

Không có.

UC #0009		THỐNG KÊ	Độ phức tạp: Normal
Mô tả		HT cho phép nhà quản lý xem chức năng thống kê tại hệ thống quản trị của Website.	
Tác nhân	Chính	Nhà quản lý	
	Phụ	Không có.	
Tiền điều kiện		Cần phải có tài khoản đăng nhập hệ thống.quản trị.	
Hậu điều kiện	Thành công	Nhà quản lý sẽ xem được chức năng thống kê.	
	Lỗi	Thực hiện lại việc đăng nhập hoặc hủy bỏ thao tác.	
ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG			
Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính			
<b>Luồng chính:</b> Chức năng này bắt đầu khi nhà quản lý xem thống kê của hệ thống, HT cho phép xem thống kê theo: <ul style="list-style-type: none"><li>- Loại sản phẩm bán chạy;</li><li>- Sản phẩm bán chạy;</li><li>- Nhà cung cấp bán được nhiều sản phẩm nhất;</li><li>- Khách hàng mua được nhiều hàng nhất.</li></ul> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Nhà quản lý chọn chức năng thống kê trên trang web của HT.</li><li>2. HT sẽ hiển thị danh sách các loại thống kê có trong hệ thống.</li><li>3. Nhà quản lý chọn một trong những loại thống kê có trong hệ thống.</li><li>4. Danh sách chi tiết sẽ được hiện ra.</li></ol>			
Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh			
Không có			
Không có.			
Các yêu cầu đặc biệt khác			
Không có.			

UC #00010		ĐẶT HÀNG	Độ phức tạp: Normal
Mô tả		Đặt hàng là chức năng cho khách hàng có thể đặt mua sản phẩm của Website. Khách hàng có thể xem, đặt mua điều chỉnh cũng so sánh các loại sản phẩm có trong Website	
Tác nhân	Chính	Khách hàng.	
	Phụ	Không có.	
Tiền điều kiện		Cần phải có tài khoản đăng nhập hệ thống Website.	
Hậu điều kiện	Thành công	Khách hàng sẽ đặt hàng thành công.	
	Lỗi	Hủy bỏ đơn hàng và tiến hành đặt hàng lại.	
ĐẶC TẢ CHỨC NĂNG			
Luồng sự kiện chính/Kịch bản chính			
<b>Luồng chính:</b> Chức năng này bắt đầu khi khách hàng muốn đặt mua một sản phẩm có trong hệ thống , chức năng này chỉ dành cho khách hàng <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chọn danh sách sản phẩm có trong hệ thống</li><li>2. Hệ thống sẽ cho phép khách hàng xem chi tiết, thêm, chỉnh sửa số lượng, xóa sản phẩm có trong giỏ hàng. Thông tin giỏ hàng bao gồm:<ul style="list-style-type: none"><li>- Ảnh;</li><li>- Tên sản phẩm;</li><li>- Giá sản phẩm;</li><li>- Số lượng từng sản phẩm;</li><li>- Tổng số tiền từng sản phẩm.</li></ul></li><li>3. Khi khách hàng chọn 1 trong các chức năng trên thì luồng con tương ứng được thực hiện:<ul style="list-style-type: none"><li>- Nếu chọn thêm sản phẩm vào giỏ hàng mới thì luồng con – thêm sản phẩm vào giỏ hàng được thực hiện;</li><li>- Nếu chọn chỉnh sửa giỏ hàng thì luồng con – chỉnh sửa giỏ hàng được thực hiện;</li><li>- Nếu chọn xóa sản phẩm trong giỏ hàng thì luồng con – xóa sản phẩm trong giỏ hàng được thực hiện.</li><li>- Nếu chọn xem chi tiết giỏ hàng thì luồng con – xem chi tiết giỏ hàng được thực hiện.</li></ul></li><li>4. Khi khách hàng đã quyết định số sản phẩm muốn mua thì khách hàng sẽ chọn thanh toán</li><li>5. Hệ thống sẽ hiển thị form thanh toán khách hàng cần điền đầy đủ các thông tin:</li></ol>			

- Tên người nhận;
- Địa chỉ người nhận
- 6. Khách hàng điền đầy đủ các thông tin và chọn Thanh toán, đơn hàng sẽ được chuyển tới hệ thống quản trị đơn hàng
- 7. Đơn hàng được thêm vào hệ thống

***Luồng con – xem chi tiết giỏ hàng:***

1. Khách hàng chọn chức năng xem giỏ hàng
2. HT sẽ hiển thị danh sách các sản phẩm có trong giỏ hàng với thông tin như trong luồng chính

***Luồng con – thêm sản phẩm giỏ hàng:***

1. HT hiển thị các sản phẩm có trong giỏ hàng
2. Khách hàng chọn sản phẩm cần mua
3. Sản phẩm được thêm vào giỏ hàng
4. HT sẽ quay trở lại giao diện danh sách sản phẩm

***Luồng con – chỉnh sửa giỏ hàng:***

1. Khách hàng chọn giỏ hàng muốn chỉnh sửa;
2. HT hiển thị các thông tin có trong giỏ hàng. Thông tin bao gồm:
  - Ảnh;
  - Tên sản phẩm;
  - Giá sản phẩm;
  - Số lượng từng sản phẩm.
3. Khách hàng sẽ chỉnh sửa các thông tin cần thiết sau đó chọn cập nhật.
4. Thông tin giỏ hàng được cập nhật vào HT, HT thông báo chỉnh sửa thành công và hiển thị thông tin sau khi cập nhật của giỏ hàng.

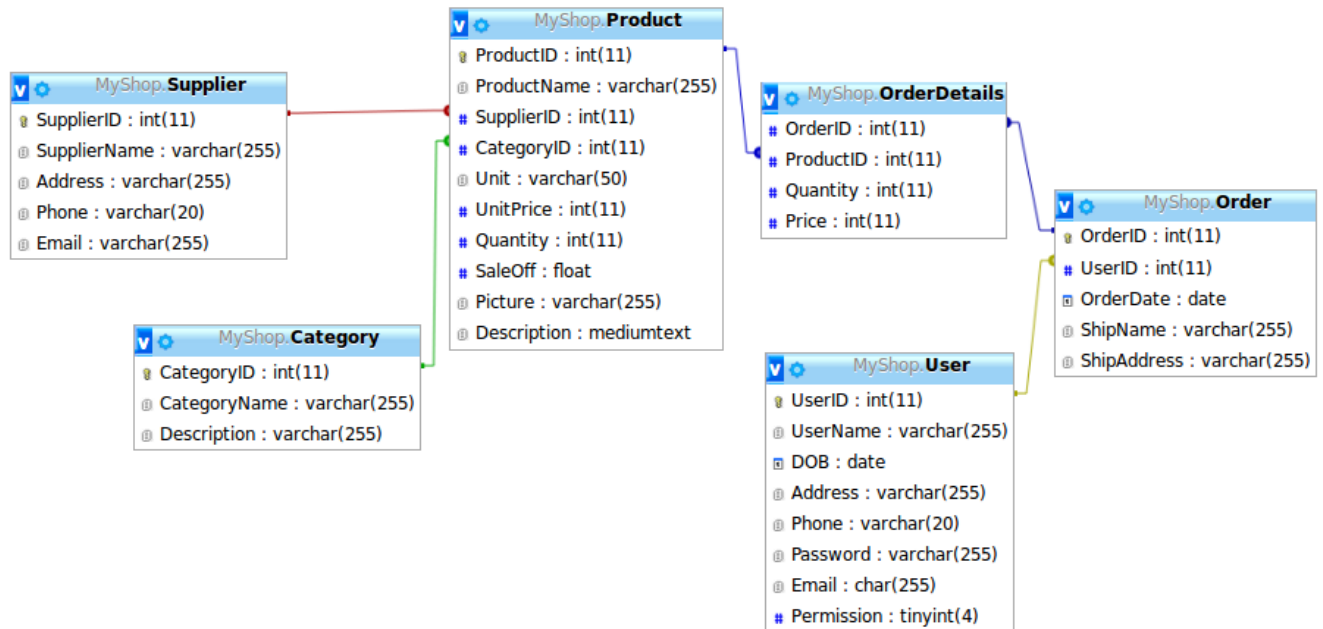
***Luồng con – xóa giỏ hàng:***

1. Nhà quản lý chọn giỏ hàng muốn xóa.
2. Nhà quản lý xác nhận việc xóa.
3. Hệ thống sẽ xóa giỏ hàng
4. HT thông báo xóa thành công và luồng chính được khởi động lại tại thời điểm sau khi chọn “Xác nhận xóa”.

**Luồng sự kiện phát sinh/Kịch bản phát sinh**

<b>Không có</b>
Không có.
<b>Các yêu cầu đặc biệt khác</b>
Không có.

### Mục 2.3. Mô hình quan hệ dữ liệu



Hình 2-2. Mô hình quan hệ dữ liệu

### Mục 2.4. Từ điển dữ liệu

#### Tiểu mục 2.4.1. Bảng Product (Sản phẩm)

Tên cột	Khóa/Index	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Cho phép Null	Mô tả
ProductID	Khóa chính	Int	11	Không	Mã sản phẩm
ProductName		Varchar	255	Không	Tên sản phẩm
SupplierID	Khóa ngoại	Int	11	Không	Mã nhà cung cấp
CategoryID	Khóa ngoại	Int	11	Không	Mã loại sản phẩm
Unit		Varchar	50	Không	Đơn vị của sản phẩm (lọ, vỉ, tuýp...)
UnitPrice		Int	11	Không	Giá tiền trên một đơn vị sản phẩm



Tên cột	Khóa/Index	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Cho phép Null	Mô tả
Quantity		Int	11	Không	Số lượng sản phẩm trong kho
SaleOff		Float		Không	Phần trăm giá khuyến mãi trên một đơn vị sản phẩm
Picture		Varchar	255	Không	Ảnh sản phẩm
Description		Mediumtext		Không	Mô tả thông tin về sản phẩm (bao gồm các thông tin về thành phần, chỉ định, liều lượng, cách dùng ...)

*Bảng 2-1. Bảng Product*

**Tiểu mục 2.4.2.      Bảng Supplier (Nhà phân phối)**

Tên cột	Khóa/Index	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Cho phép Null	Mô tả
SupplierID	Khóa chính	Int	11	Không	Mã nhà phân phối
SupplierName		Varchar	255	Không	Tên nhà phân phối
Address		Varchar	255	Không	Địa chỉ nhà phân phối
Phone		Varchar	20	Không	Số điện thoại nhà phân phối
Email		Varchar	255	Không	E-mail nhà phân phối

*Bảng 2-2. Bảng Supplier*

**Tiểu mục 2.4.3.      Bảng Category (Danh mục sản phẩm)**

Tên cột	Khóa/Index	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Cho phép Null	Mô tả
CategoryID	Khóa chính	Int	11	Không	Mã loại sản phẩm
CategoryName		Varchar	255	Không	Tên loại sản phẩm
Description		Varchar	255	Không	Mô tả loại sản phẩm

*Bảng 2-3. Bảng Category*

**Tiểu mục 2.4.4.      Bảng Order (Đơn hàng)**

Tên cột	Khóa/Index	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Cho phép Null	Mô tả
OrderID	Khóa chính	Int	11	Không	Mã đơn hàng
UserID	Khóa ngoại	Int	11	Không	Mã người dùng đặt hàng
OrderDate		Date		Không	Ngày đặt hàng
ShipName		Varchar	255	Không	Tên người nhận hàng
ShipAddress		Varchar	255	Không	Địa chỉ người nhận hàng

*Bảng 2-4. Bảng Order*

**Tiểu mục 2.4.5.      Bảng OrderDetails (Chi tiết đơn hàng)**

Tên cột	Khóa/Index	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Cho phép Null	Mô tả
OrderID	Khóa ngoại	Int	11	Không	Mã đơn hàng
ProductID	Khóa ngoại	Int	11	Không	Mã sản phẩm có trong đơn hàng
Quantity		Int	11	Không	Số lượng sản phẩm đặt mua tương ứng với ProductID
Price		Int	11	Không	Tổng giá tiền của sản phẩm tương ứng với ProductID trong đơn hàng

*Bảng 2-5. Bảng OrderDetails*

**Tiểu mục 2.4.6.      Bảng User (Người dùng)**

Tên cột	Khóa/Index	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Cho phép Null	Mô tả
UserID	Khóa chính	Int	11	Không	Mã người dùng
UserName		Varchar	255	Không	Tên đăng nhập
DOB		Date		Không	Ngày sinh của người dùng
Address		Varchar	255	Không	Địa chỉ của người dùng
Phone		Varchar	20	Không	Số điện thoại người dùng
Password		Varchar	255	Không	Mật khẩu tài khoản
Email		Varchar	255	Không	E-mail người dùng
Permission		Tinyint	4	Không	Quyền của người dùng

## Mục 2.5. Câu lệnh tạo table

### Tiểu mục 2.5.1. Câu lệnh tạo bảng Product:

```
CREATE TABLE `Product` (  
  `ProductID` int(11) NOT NULL AUTO_INCREMENT,  
  `ProductName` varchar(255) NOT NULL,  
  `SupplierID` int(11) NOT NULL,  
  `CategoryID` int(11) NOT NULL,  
  `Unit` varchar(50) NOT NULL,  
  `UnitPrice` int(11) NOT NULL,  
  `Quantity` int(11) NOT NULL,  
  `SaleOff` float NOT NULL,  
  `Picture` varchar(255) NOT NULL,  
  `Description` mediumtext NOT NULL,  
  PRIMARY KEY (`ProductID`),  
  KEY `SupplierID` (`SupplierID`),  
  KEY `CategoryID` (`CategoryID`)  
)
```

### Tiểu mục 2.5.2. Câu lệnh tạo bảng Supplier:

```
CREATE TABLE `Supplier` (  
  `SupplierID` int(11) NOT NULL AUTO_INCREMENT,  
  `SupplierName` varchar(255) NOT NULL,  
  `Address` varchar(255) NOT NULL,  
  `Phone` varchar(20) NOT NULL,  
  `Email` varchar(255) NOT NULL,  
  PRIMARY KEY (`SupplierID`)  
)
```

### Tiểu mục 2.5.3. Câu lệnh tạo bảng Category

```
CREATE TABLE `Category` (  
  `CategoryID` int(11) NOT NULL AUTO_INCREMENT,  
  `CategoryName` varchar(255) NOT NULL,  
  `Description` varchar(255) NOT NULL,  
  PRIMARY KEY (`CategoryID`)  
)
```

**Tiểu mục 2.5.4.      Câu lệnh tạo bảng Order**

```
CREATE TABLE `Order` (  
  `OrderID` int(11) NOT NULL AUTO_INCREMENT,  
  `UserID` int(11) NOT NULL,  
  `OrderDate` date NOT NULL,  
  `ShipName` varchar(255) NOT NULL,  
  `ShipAddress` varchar(255) NOT NULL,  
  PRIMARY KEY (`OrderID`),  
  KEY `UserID` (`UserID`)  
)
```

**Tiểu mục 2.5.5.      Câu lệnh tạo bảng OrderDetails**

```
CREATE TABLE `OrderDetails` (  
  `OrderID` int(11) NOT NULL,  
  `ProductID` int(11) NOT NULL,  
  `Quantity` int(11) NOT NULL,  
  `Price` int(11) NOT NULL,  
  KEY `OrderID` (`OrderID`),  
  KEY `ProductID` (`ProductID`)  
)
```

**Tiểu mục 2.5.6.      Câu lệnh tạo bảng User**

```
CREATE TABLE `User` (  
  `UserID` int(11) NOT NULL AUTO_INCREMENT,  
  `UserName` varchar(255) NOT NULL,  
  `DOB` date NOT NULL,  
  `Address` varchar(255) NOT NULL,  
  `Phone` varchar(20) NOT NULL,  
  `Password` varchar(255) NOT NULL,  
  `Email` char(255) NOT NULL,  
  `Permission` tinyint(4) NOT NULL,  
  PRIMARY KEY (`UserID`)  
)
```

## CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ GIAO DIỆN

### Mục 3.1. Giao diện quản trị

#### Tiểu mục 3.1.1. Trang tổng quan

The screenshot displays a management dashboard with a sidebar menu on the left and two main content panels. The sidebar menu includes: Dashboard, Thành Viên, Danh mục, Nhà cung cấp, Sản phẩm, and Đơn hàng. The first panel, titled 'Loại sản phẩm bán chạy', contains a table with 7 rows of product categories and their quantities. The second panel, titled 'Sản phẩm bán chạy', contains a table with 5 rows of specific products, including their images, names, and quantities.

STT	Loại thuốc bán chạy	Số lượng
1	Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt	85
2	Nha khoa, răng miệng	85
3	Thuốc kháng sinh	31
4	Vitamins và khoáng chất	23
5	Thế hình và năng lượng	14
6	Sức khỏe trẻ em	13
7	Điều trị bệnh đường hô hấp	12













STT	Ảnh	Sản phẩm bán chạy	Số lượng
1		Neo Pyrazon	29
2		Cefpomed-200	20
3		Alaxan	19
4		Daktarin oral gel	19
5		Rodogyl	18

Hình 3-1. Giao diện trang tổng quan

Tại trang tổng quan, nhà quản lý sẽ nắm bắt được các thống kê cơ bản của nhà thuốc bao gồm: Top sản phẩm bán chạy, Top danh mục sản phẩm bán chạy, Top nhà phân phối có sản phẩm bán chạy, Top người dùng đặt mua nhiều nhất...

Qua những thống kê đó, nhà quản lý sẽ có những điều chỉnh cụ thể để có thể cải thiện chất lượng của nhà thuốc.















### Tiểu mục 3.1.2. Quản lý người dùng

Danh sách thành viên					
STT	Username	Address	Email	Phone	Action
1	admin	Ha Noi	admin@gmail.com	01699005565	 
2	user1	Ha Noi	user1@gmail.com	0123456789	 
3	user2	Hai Phong	user2@gmail.com	0123456789	 
4	user3	Lao Cai	user3@gmail.com	0123456789	 
5	user4	Nam Dinh	user4@gmail.com	0123456789	 
6	user5	Ha Noi	user5@gmail.com	0123456789	 

Hình 3-2. Giao diện trang quản lý người dùng

Tại trang quản lý người dùng, nhà quản lý có thể theo dõi danh sách người dùng cũng như các tác vụ cơ bản khác như: Xem thông tin chi tiết, sửa, xóa người dùng.

### Tiểu mục 3.1.3. Quản lý danh mục sản phẩm

Danh sách Category			
STT	CategoryID	CategoryName	Action
1	1	Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt	 
2	2	Vitamins và khoáng chất	 
3	3	Thuốc kháng sinh	 
4	4	Điều trị bệnh đường hô hấp	 
5	5	Sức khỏe trẻ em	 
6	6	Thể hình và năng lượng	 
7	7	Nha khoa, răng miệng	 

Hình 3-3. Giao diện trang quản lý danh mục sản phẩm

Tại trang quản lý danh mục sản phẩm, nhà quản lý có thể theo dõi danh sách các danh mục sản phẩm cũng như các tác vụ khác như: Thêm, sửa, xóa, xem chi tiết danh mục.

Thêm mới Category

CategoryName\*

Thuốc kháng sinh












Description\*

Các loại thuốc kháng sinh...

SUBMIT

Hình 3-4. Giao diện thêm danh mục sản phẩm

#### Tiểu mục 3.1.4. Trang quản lý nhà cung cấp

Danh sách nhà cung cấp					
STT	SupplierID	SupplierName	Address	Phone	Action
1	1	Avi Trade Corp - USA	USA	0123456789	 
2	2	Ajanta House, Ấn Độ	India	0123456789	 
3	3	B.Braun Việt Nam	Việt Nam	0123456789	 
4	4	Công ty TNHH dược phẩm Tâm Bình	Việt Nam	0123456789	 
5	5	Công ty cổ phần dược phẩm OPC	Việt Nam	0123456789	 
6	6	Dược phẩm TW25	Việt Nam	0123456789	 
7	7	Đồng Tây	Việt Nam	0123456789	 

Hình 3-5. Giao diện trang quản lý nhà cung cấp

































Tại trang quản lý nhà cung cấp, nhà quản lý có thể theo dõi danh sách nhà cung cấp các sản phẩm cũng như có thể thực hiện các tác vụ khác như: Thêm, sửa, xóa, xem thông tin chi tiết nhà cung cấp.

SupplierName*	Avi Trade Corp - USA
Address*	USA
Phone*	0123456789
Email*	atc@gmail.com
<input type="button" value="SUBMIT"/>	

Hình 3-6. Giao diện trang chỉnh sửa nhà cung cấp

### Tiểu mục 3.1.5. Trang quản lý sản phẩm

Danh sách sản phẩm

 <b>Alaxan</b> Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt   	 <b>Edevein</b> Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt   	 <b>Strase</b> Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt   	 <b>Coldko</b> Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt   
 <b>Neo Pyrazon</b> Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt   	 <b>Ankitamol</b> Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt   	 <b>Natural Vitamin E</b> Vitamins và khoáng chất   	 <b>Amino Fuel</b> Vitamins và khoáng chất   

Hình 3-7. Giao diện trang quản lý sản phẩm

Tại trang quản lý sản phẩm, nhà quản lý có thể theo dõi danh sách các sản phẩm cũng như có thể thực hiện các tác vụ như: Thêm, sửa, xóa, xem chi tiết sản phẩm.



Thêm mới sản phẩm

Tên sản phẩm \*

Chọn nhà cung cấp

Chọn Category ...

Description

Source

Insert

Link

Image

Table

Undo

Cut

Paste

Find

Print

Fullscreen

Help

B

I

U

S

x<sub>2</sub>

x<sup>2</sup>

I<sub>x</sub>

Align Left

Align Center

Align Right

Justify

Decrease Indent

Increase Indent

Outdent List

Indent List

Decrease Indent List

Increase Indent List

Decrease Indent Table

Increase Indent Table

Decrease Indent Cell

Increase Indent Cell

Decrease Indent Row

Increase Indent Row

Decrease Indent Column

Increase Indent Column

Decrease Indent Page

Increase Indent Page

Decrease Indent Section

Increase Indent Section

Decrease Indent Paragraph

Increase Indent Paragraph

Decrease Indent Block

Increase Indent Block

Decrease Indent Table

Increase Indent Table

Decrease Indent Cell

Increase Indent Cell

Decrease Indent Row

Increase Indent Row

Decrease Indent Column

Increase Indent Column

Decrease Indent Page

Increase Indent Page

Decrease Indent Section

Increase Indent Section

Decrease Indent Paragraph

Increase Indent Paragraph

Decrease Indent Block

Increase Indent Block

Styles

Format

Font

Size

A-

A+

Color

Background Color

?


Đơn giá

SaleOff

Số lượng

Đơn vị \*

Photos



Data

Đơn giá

87500 VND

SaleOff

0.1 %

Quantity

981

Details

Product Name

Alaxan

Nhà Cung cấp

Công ty TNHH dược phẩm Tâm Bình

Category

Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt

Đơn Vị

Hộp

Description

**Quy cách sản phẩm:** Hộp 25 vỉ x 4 viên nén

**Dạng bào chế:** Viên nén

Giảm cơn đau từ nhẹ đến trung bình do nguyên nhân cơ xương như đau cơ, viêm khớp, thấp khớp, bong gân, viêm bao hoạt dịch, viêm gân, đau lưng hay nhức đầu do đau nửa đầu, đau răng, đau kinh. Giảm đau hậu phẫu sau nhổ răng & các phẫu thuật nhỏ.

Tên sản phẩm\*  
Alaxan

Công ty TNHH dược phẩm Tâm Bình


Thuốc giảm đau, chống viêm, hạ sốt

Description

**Quy cách sản phẩm:** Hộp 25 vỉ x 4 viên nén  
**Dạng bào chế:** Viên nén

Giảm cơn đau từ nhẹ đến trung bình do nguyên nhân cơ xương như đau cơ, viêm khớp, thấp khớp, bong gân, viêm bao hoạt dịch, viêm gân, đau lưng hay nhức đầu do đau sau nhổ răng & các phẫu thuật nhỏ.

























Đơn giá: 87500 VND  
 SaleOff: 10 %  
 Số lượng: 981.00

Image: 

SUBMIT

Hình 3-10. Giao diện trang cập nhật thông tin sản phẩm

### Tiểu mục 3.1.6. Trang quản lý đơn hàng

Danh sách đơn hàng				
STT	Order	User	OrderDate	Action
1	#1	user1	2016-02-20	  
2	#2	user2	2016-02-20	  
3	#3	user3	2016-02-20	  
4	#4	user4	2016-02-20	  
5	#5	user5	2016-02-20	  
6	#6	user1	2016-02-20	  
7	#7	user1	2016-02-20	  
8	#8	user1	2016-02-20	  

Hình 3-11. Giao diện trang quản lý đơn hàng

Tại trang quản lý đơn hàng, nhà quản lý có thể theo dõi danh sách đơn hàng cũng như thực hiện các tác vụ cơ bản như: Xem chi tiết, duyệt, xóa đơn hàng.

Invoice #1

Date: 2016-02-20

From:

user1

To:

Nguyễn Văn A

Address:

Cầu Giấy - Hà Nội

Telephone Number:

0123456789

Total:

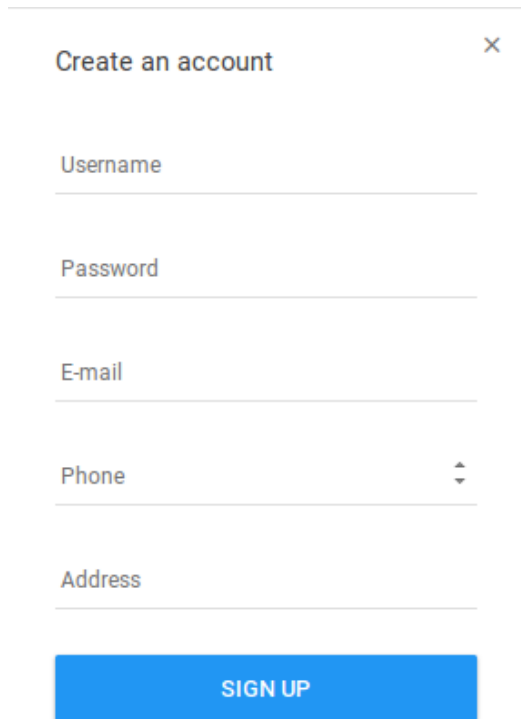
1,396,050 VND

PRODUCT NAME	QUANTITY	TOTAL
Alaxan	3	236,250 VND
Edevexin	3	336,000 VND
Strase	3	426,600 VND
Coldko	1	8,000 VND
Neo Pyrazon	1	112,500 VND
Ankitamol	1	42,300 VND
Natural Vitamin E	3	134,400 VND
Amino Fuel	2	100,000 VND

*Hình 3-12. Giao diện xem chi tiết đơn hàng*

## Mục 3.2. Trang khách hàng

### Tiểu mục 3.2.1. Trang đăng kí

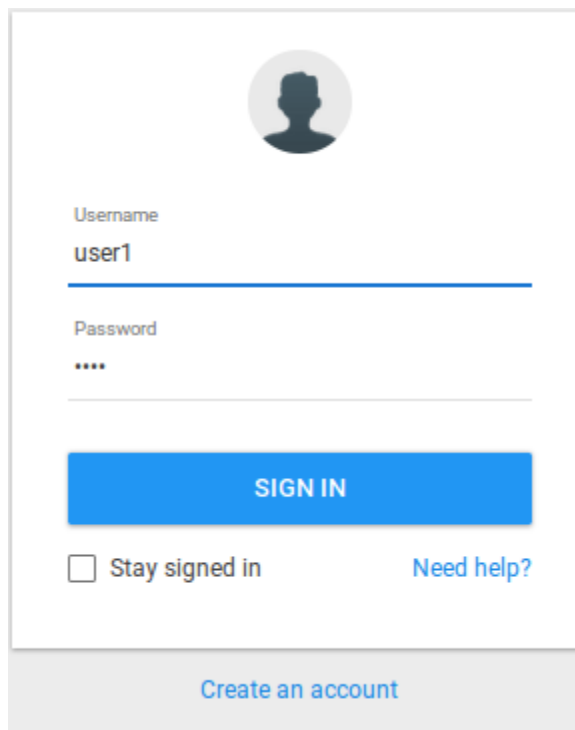


The image shows a registration form titled "Create an account" with a close button (X) in the top right corner. The form contains five input fields: "Username", "Password", "E-mail", "Phone", and "Address". The "Phone" field has a small up/down arrow icon on its right side. At the bottom of the form is a blue button labeled "SIGN UP".

*Hình 3-13. Giao diện trang đăng kí*

Tại trang đăng kí, người dùng phải nhập đúng thông tin của mình để có thể đăng kí tài khoản sử dụng.

### Tiểu mục 3.2.2. Trang đăng nhập

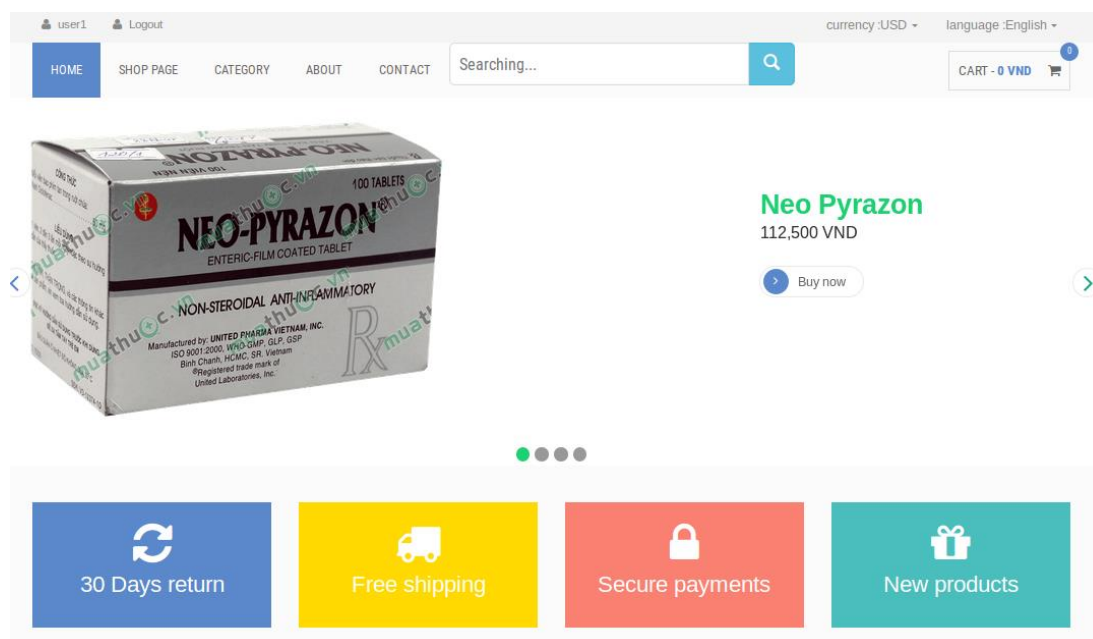


The login form features a user silhouette icon at the top. Below it, there are two input fields: 'Username' with the text 'user1' and 'Password' with four dots. A blue 'SIGN IN' button is positioned below the password field. At the bottom left, there is a checkbox labeled 'Stay signed in', and at the bottom right, a link 'Need help?'. A grey bar at the very bottom contains the link 'Create an account'.

Hình 3-14. Giao diện trang đăng nhập

Sau khi đã có tài khoản, người dùng phải nhập đúng UserName và Password để có thể sử dụng các tính năng của trang web.

### Tiểu mục 3.2.3. Trang chủ



Hình 3-15. Giao diện trang chủ

## Latest Products

[prev](#)
[next](#)

				
<b>Augmentin 500mg</b> 88,000 VND 176,000 VND	<b>Alaxan</b> 78,750 VND 87,500 VND	<b>Klimentin 1g</b> 176,400 VND 196,000 VND	<b>Natural Vitamin E</b> 44,800 VND 64,000 VND	<b>Strase</b> 142,200 VND 158,000 VND

### Top Sellers

[View All](#)

### New Product

[View All](#)

### Top SaleOff

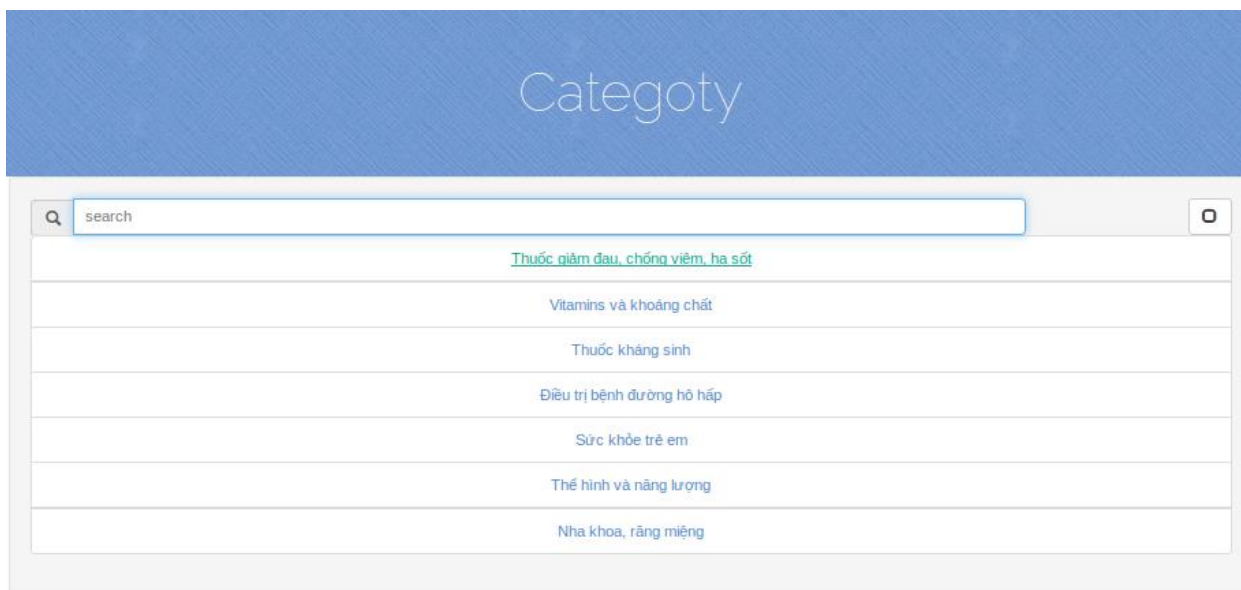
[View All](#)

 <b>Neo Pyrazon</b> ★★★★★ 101,250 VND 112,500 VND	 <b>Erybact 365</b> ★★★★★ 22,500 VND 25,000 VND	 <b>Amino Fuel</b> ★★★★★ 50,000 VND 125,000 VND
 <b>Celpomed-200</b> ★★★★★ 1,425,600 VND 1,584,000 VND	 <b>Nisfix-200</b> ★★★★★ 18,000 VND 20,000 VND	 <b>Augmentin 500mg</b> ★★★★★ 88,000 VND 176,000 VND
 <b>Alaxan</b> ★★★★★	 <b>Celpomed-200</b> ★★★★★	 <b>Natural Vitamin E</b> ★★★★★

Hình 3-16. Giao diện trang chủ

Tại trang chủ khách hàng sẽ thấy được danh sách các sản phẩm bán chạy, sản phẩm mới nhất, sản phẩm giảm giá nhiều nhất để có thể chọn mua.

#### Tiểu mục 3.2.4. Trang danh mục sản phẩm



Hình 3-17. Giao diện trang danh mục sản phẩm

Tại trang danh mục sản phẩm, khách hàng có thể chọn lựa các danh mục thuốc mong muốn, sau khi chọn xong, trang web sẽ hiển thị tất cả các sản phẩm thuốc có chung trong danh mục mà người dùng đã chọn.

#### Tiểu mục 3.2.5. Trang thông tin chi tiết sản phẩm

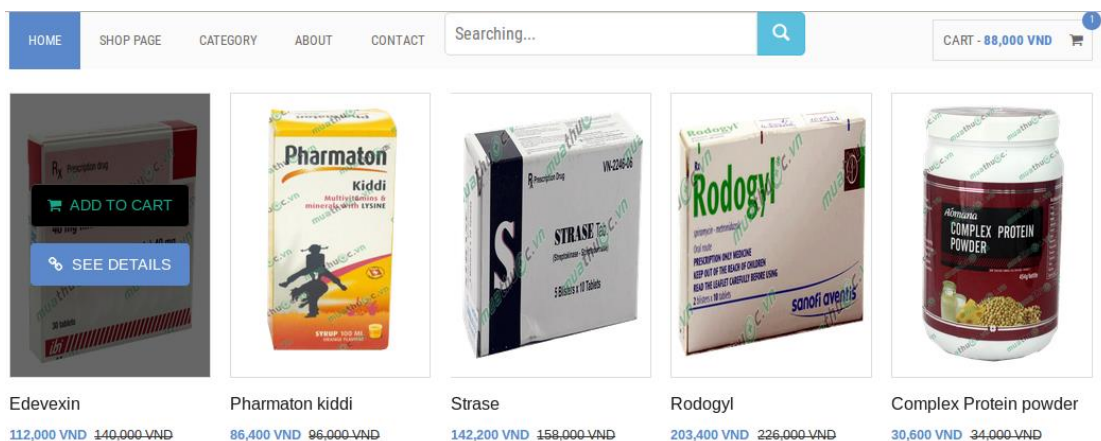


Hình 3-18. Giao diện trang xem chi tiết sản phẩm

Tại trang thông tin chi tiết sản phẩm, khách hàng có thể nắm được các thông tin chi tiết của thuốc bao gồm các thông tin như: Thành phần, chỉ định, hướng dẫn sử dụng, giá thành...




Ngoài ra, khách hàng cũng có thể thấy được danh sách các sản phẩm cùng loại (được chọn lựa hiển thị ngẫu nhiên) với sản phẩm đang xem.

### Tiểu mục 3.2.6. Trang giỏ hàng



Hình 3-19. Giao diện thêm sản phẩm vào giỏ hàng

Tại mỗi sản phẩm, đều có nút “Add to cart”, nếu click chọn, sản phẩm đó sẽ được đưa vào giỏ hàng với số lượng ban đầu là 1.

ID	IMAGE	PRODUCT	PRICE	QUANTITY	TOTAL	DELETE
10		Augmentin 500mg	176,000VND	2	176,000 VND	<input type="checkbox"/>
13		Pharmaton kiddi	96,000VND	1	86,400 VND	<input type="checkbox"/>
9		Bentalex	384,000VND	1	345,600 VND	<input type="checkbox"/>
			<input type="button" value="UPDATE"/>	<input type="button" value="CHECKOUT"/>		

### CART TOTALS

Cart Subtotal	608,000 VND
Shipping and Handling	Free Shipping
Order Total	608,000 VND

Hình 3-20. Giao diện trang giỏ hàng




Tại trang giỏ hàng, khách hàng có thể xem các sản phẩm trong giỏ hàng của mình, biết được tổng giá trị giỏ hàng hay giá trị của từng mặt hàng có trong giỏ, ngoài ra khách hàng có thể thực hiện một số các thao tác cơ bản như: Cập nhật số lượng, xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng.

Sau khi đã có được giỏ hàng ưng ý, khách hàng click chọn “Checkout” trong trang giỏ hàng để tiến hành thanh toán.

### **Tiểu mục 3.2.7. Trang thông tin (About Us)**

About Us



**Cung cấp giá tốt nhất**  
Rất nhiều website khẳng định cung cấp với giá thấp nhất, nhưng chỉ có muathuoc.vn thực sự cung cấp giá thấp trên hàng ngàn các loại vitamins, dinh dưỡng bổ sung và toàn

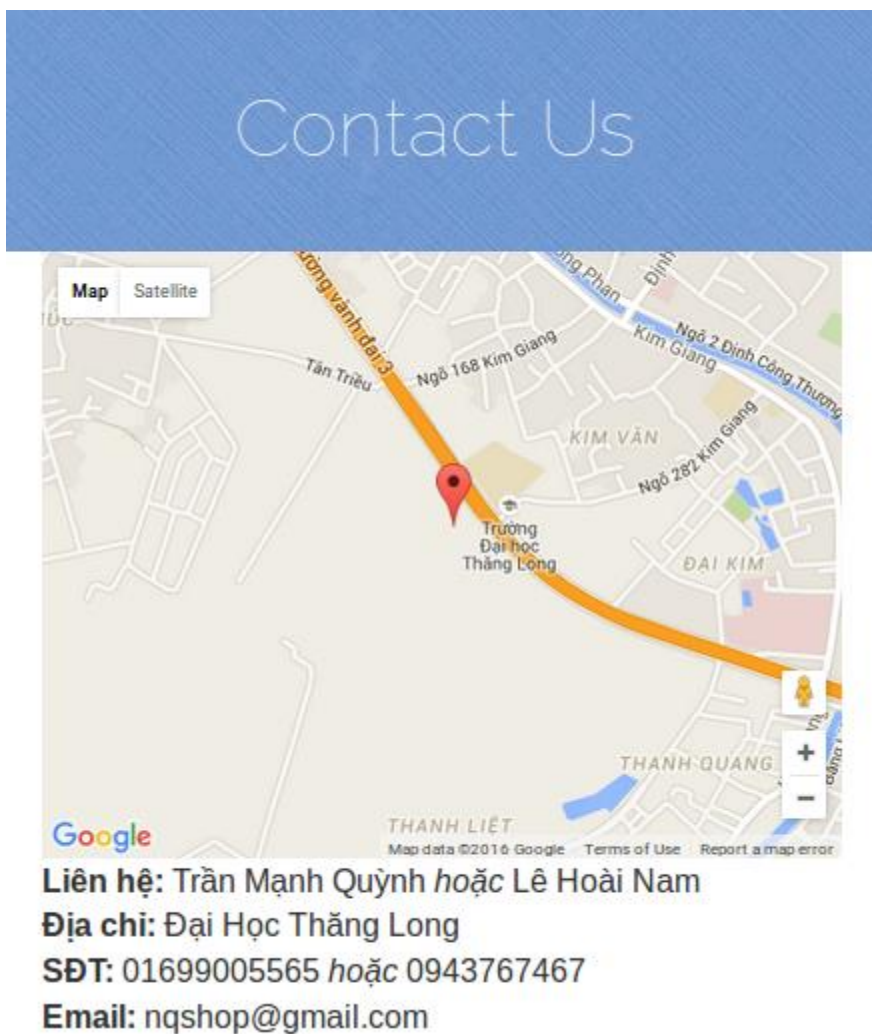
**Khách hàng đã nhận xét:**  
"Tôi đã là một khách hàng với bạn trong một thời gian khá lâu bây giờ giờ. Tôi chỉ muốn cho bạn biết điều gì là một niềm vui đó là đặt hàng từ trang web của bạn. mở rộng đã kiểm tra trực tuyến cho các kho khác cung cấp một số sản phẩm rẻ hơn so với của bạn, và tôi đã không tìm thấy một nào được nêu ra. Bạn có một lựa chọn tuyệt vời và thực sự là mức giá thấp nhất tôi đã tìm thấy cho đến nay. Giữ trên sản phẩm tuyệt vời. Nó là tốt đẹp để biết bạn có xung quanh".

**An toàn bảo mật riêng tư**

*Hình 3-21. Giao diện trang thông tin chung*

Tại trang này, khách hàng có thể thấy được thông tin tổng quan về nhà thuốc.

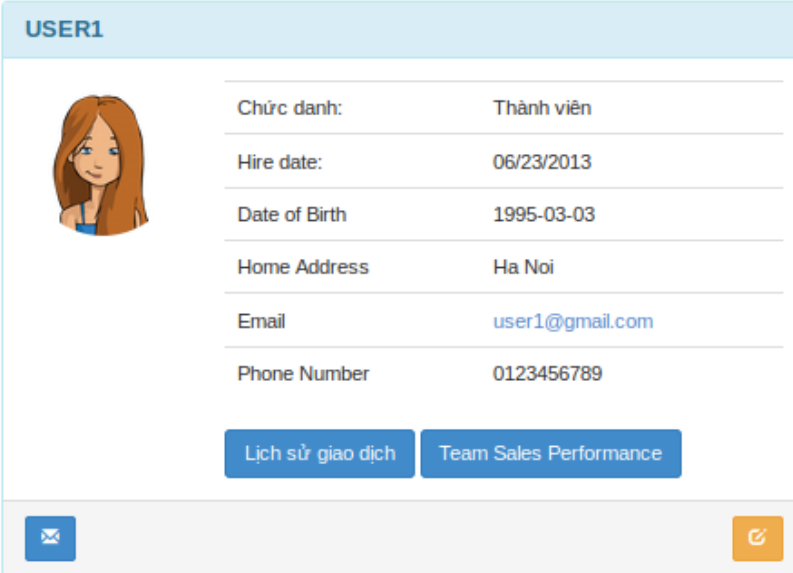
**Tiểu mục 3.2.8. Trang liên hệ**



*Hình 3-22. Giao diện trang liên hệ*



Tại trang liên hệ, khách hàng có thể thấy được những thông tin để liên lạc với nhà thuốc bao gồm: Bản đồ vị trí nhà thuốc, số điện thoại, Email liên hệ của nhà quản lý.

### ***Tiểu mục 3.2.9. Trang thông tin người dùng***



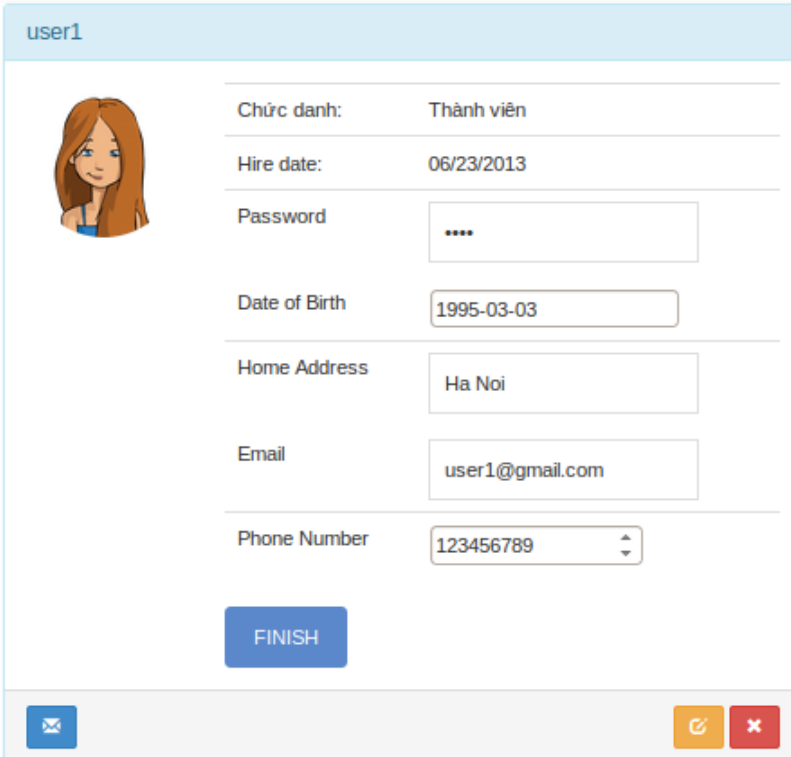
USER1	
Chức danh:	Thành viên
Hire date:	06/23/2013
Date of Birth	1995-03-03
Home Address	Ha Noi
Email	<a href="mailto:user1@gmail.com">user1@gmail.com</a>
Phone Number	0123456789

[Lịch sử giao dịch](#) [Team Sales Performance](#)




*Hình 3-23. Giao diện trang xem thông tin cá nhân*

Tại trang thông tin cá nhân, người dùng có thể chỉnh sửa các thông tin liên quan. Ngoài ra người dùng có thể xem lại lịch sử giao dịch (danh sách đơn hàng) của mình.



user1	
Chức danh:	Thành viên
Hire date:	06/23/2013
Password	....
Date of Birth	<input type="text" value="1995-03-03"/>
Home Address	<input type="text" value="Ha Noi"/>
Email	<input type="text" value="user1@gmail.com"/>
Phone Number	<input type="text" value="123456789"/>

[FINISH](#)

*Hình 3-24. Giao diện trang đổi thông tin cá nhân*

## KẾT LUẬN

Đề tài “Xây dựng website quản lý bán thuốc” xuất phát từ nhu cầu thực tế nhằm tạo một nền tảng cơ sở ban đầu để có thể hỗ trợ thêm cho người dùng muốn thiết kế một website cho một công ty hay một website cá nhân.

Trong quá trình nghiên cứu thực hiện do còn hạn chế về mặt thời gian cũng như kinh nghiệm nên đề tài chỉ hoàn thành ở mức độ sau:

- Tìm hiểu ngôn ngữ lập trình PHP và hệ quản trị cơ sở dữ liệu mySQL.
- Áp dụng những kĩ năng đã học như: Lập trình hướng đối tượng, ứng dụng của session, phân trang... để ứng dụng xây dựng website.

### **Hướng nghiên cứu phát triển:**

- Tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ PHP cũng như hệ quản trị cơ sở dữ liệu mySQL.
- Kết hợp PHP với những hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác.
- Xây dựng website có thể tương thích với nhiều loại trình duyệt hơn.
- Tìm hiểu các thuật toán để tối ưu hóa các chức năng của trang web.
- Phát triển ứng dụng đa nền tảng.
- Thiết kế giao diện đẹp mắt, tối ưu hơn.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] <http://imdev.vn> truy cập cuối cùng ngày 26/02/2016.